

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành
sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3010/TTr-SNN ngày 30 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *15* tháng *12* năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

25b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

QUY ĐỊNH

Về hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12
năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách này quy định mức hỗ trợ lãi vay thực hiện các dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Bao gồm pháp nhân và cá nhân (sau đây gọi chung là nhà đầu tư) có nhu cầu vay vốn để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp theo quy định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (Good Agricultural Practices) (Viết tắt là GAP): Là tập hợp các tiêu chí do tổ chức, quốc gia, nhóm quốc gia ban hành hướng dẫn người sản xuất áp dụng nhằm bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo vệ môi trường và sức khỏe, an sinh xã hội cho người lao động.

2. VietGAP: Là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam về lĩnh vực trồng trọt và thủy sản.

3. VietGAHP: Là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam lĩnh vực chăn nuôi (Good Agricultural Husbandry Practices);

4. GlobalGAP (Global Good Agricultural Practice): Là thực hành sản xuất nông nghiệp tốt toàn cầu được xây dựng để áp dụng cho sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch cho các nông sản (bao gồm lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) trên phạm vi toàn cầu.

5. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ (Organic): Là hệ thống canh tác và chăn nuôi tự nhiên, không sử dụng hóa chất làm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc vô cơ, giúp giảm thiểu ô nhiễm, bảo đảm sức khỏe cho người và vật nuôi (sử dụng giống, phân bón, vật tư nông nghiệp được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận).

6. Nông nghiệp công nghệ cao: Là sản xuất nông nghiệp được ứng dụng kết hợp những công nghệ mới, tiên tiến để sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản.

7. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Là sản xuất nông nghiệp tập trung thực hiện hoạt động ứng dụng thành tựu nghiên cứu và phát triển công nghệ cao vào lĩnh vực nông nghiệp, áp dụng một số công đoạn có tính công nghệ cao.

8. Chăn nuôi công nghiệp: Là chăn nuôi tập trung với mật độ cao, số lượng lớn gia súc, gia cầm hay vật nuôi theo một quy trình khép kín sử dụng thiết bị tự động, quay vòng nhanh. Trong quy trình này thường có một số lượng lớn động vật cùng một kiểu gen và được nuôi theo một mục đích như nuôi gà chuyên lấy thịt hay nuôi gà chuyên lấy trứng, nuôi bò thịt.

9. Chăn nuôi bán công nghiệp: Là chăn nuôi công nghiệp có kết hợp một số khâu thủ công, chưa áp dụng công nghệ tự động hóa đồng bộ.

10. Giống heo ông, bà: Là đàn heo giống được nhân từ đàn cụ kỵ, để sản xuất ra đàn heo giống bố mẹ.

11. An toàn thực phẩm (ATTP): Là việc bảo đảm thực phẩm không gây hại cho sức khỏe, tính mạng người sử dụng, bảo đảm thực phẩm không bị hỏng, không chứa các tác nhân vật lý, hoá học, sinh học, hoặc tạp chất quá giới hạn cho phép, không phải là sản phẩm của động vật, thực vật bị bệnh có thể gây hại cho sức khỏe con người.

12. HACCP (Hazard Analysis Critical Control Point): Là một hệ thống kiểm soát các mối nguy hiểm và rủi ro cho an toàn thực phẩm trong suốt quá trình chế biến.

13. SSOP (Sanitation Standard Operating Procedures): Là quy trình làm vệ sinh và thủ tục kiểm soát vệ sinh.

14. GMP (Good Manufacturing Practices): Là tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt, áp dụng trong sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng đồng đều, ổn định đạt tiêu chuẩn đã đăng ký và đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn cho sản xuất.

15. ICM (Integrated Crop Management): Là quy trình quản lý cây trồng tổng hợp nhằm cung cấp đầy đủ lương thực và các sản phẩm khác một cách có hiệu quả nhất, giảm sự tiêu hao các nguồn nguyên liệu, bảo vệ chất lượng đất, nước, không khí và đa dạng sinh học.

Điều 3. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đối với dự án đầu tư thỏa điều kiện thụ hưởng nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì nhà đầu tư chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất;

b) Nhà đầu tư chỉ được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi vay 01 lần/dự án trong chu kỳ 10 năm (tính từ ngày hưởng chính sách hỗ trợ lãi vay theo quy định) để đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ;

c) Trường hợp dự án có thay đổi về quy mô, công nghệ sau khi đã được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi vay làm thay đổi quy mô Dự án thì Chủ đầu tư phải có đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh nội dung và mức hỗ trợ dự án;

d) Thời gian hỗ trợ lãi vay được thực hiện vào Quý I năm tiếp theo, trên cơ sở chứng từ thu lãi vay thuộc dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt của các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trong năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ chi khoản hỗ trợ lãi vay theo quy định trực tiếp cho nhà đầu tư.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng vay vốn có dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Có hợp đồng vay vốn thực hiện dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ; sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp đã được giải ngân tại các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; việc hỗ trợ lãi vay chỉ thực hiện đối với khoản vay trả nợ đúng hạn, những khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn sẽ không được hỗ trợ kể từ thời điểm phát sinh nợ xấu;

c) Đối với Dự án thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay sau khi được ngân hàng thương mại giải ngân; nếu hết thời gian quy định hưởng hỗ trợ lãi vay, sản phẩm của dự án được cấp giấy chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP và hữu cơ theo quy định thì được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay còn lại. Trường hợp hết thời gian quy định được hỗ trợ lãi vay nhưng chưa được cấp chứng nhận theo quy định thì ngưng việc hỗ trợ 50% mức hỗ trợ lãi vay còn lại; trong quá trình sản xuất không được cơ quan chức năng chứng nhận sản phẩm của dự án đạt tiêu chuẩn VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP và hữu cơ mà không chứng minh được việc thực hiện để chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn trên thì thu hồi phần đã hỗ trợ;

d) Đối với dự án đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi có biên bản nghiệm thu nội dung, khối lượng công việc đã hoàn thành theo dự án được phê duyệt được hỗ trợ 100% mức hỗ trợ lãi vay theo quy định;

đ) Đối với dự án sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp khi có biên bản nghiệm thu nội dung, khối lượng công việc đã hoàn thành theo dự án được phê duyệt và đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định được hỗ trợ 100% mức hỗ trợ lãi vay.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức trần vốn vay được hỗ trợ

1. Đối với pháp nhân: Mức vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 20 tỷ đồng/dự án; riêng đối với dự án đầu tư nhà máy chế biến các loại rau quả, cây ăn trái; dự án giết mổ hiện đại (phá lốc, đông lạnh) mức vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 40 tỷ đồng/dự án.

2. Đối với cá nhân: Mức vốn vay được hỗ trợ lãi vay không vượt quá 10 tỷ đồng/dự án.

Điều 5. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Các dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt

a) Nhóm dự án lĩnh vực trồng trọt, gồm:

Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao, đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Bao gồm: Sản xuất lúa gạo chất lượng cao; các loại rau quả; cây ăn trái (khuyến khích trồng măng cầu, chuối, xoài, bưởi, dứa (thơm), chanh dây);

Quy mô dự án đầu tư: Áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt có diện tích tối thiểu gắn với quy mô diện tích cánh đồng lớn trở lên hoặc có giá trị đầu tư tối thiểu từ 5 tỷ đồng/dự án trở lên.

b) Nhóm dự án lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản, gồm:

Chăn nuôi bò thịt, gia cầm (gà thịt lông màu); thủy sản nuôi tôm càng xanh, cá tra, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh (khuyến khích nuôi cá rô, cá lóc, lươn, ếch, baba) áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAHP, GlobalGAP);

Quy mô đầu tư: Dự án chăn nuôi bò thịt 300 con/năm trở lên, gà thịt lông màu 5.000 con/lứa trở lên hoặc đạt tiêu chuẩn VietGAHP; dự án nuôi trồng thủy sản diện tích mặt nước từ 05 ha trở lên hoặc có giá trị đầu tư tối thiểu 10 tỷ đồng/dự án trở lên.

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ:

Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt: Mức hỗ trợ lãi vay là 2%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Điều 4; thời gian hỗ trợ không quá 2 năm; đối với cây ăn trái, rau, hoa trong nhà màng, nhà kính thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

2. Các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Nhóm dự án công nghệ sinh học:

Sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp: Phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh; thuốc bảo vệ thực vật, thuốc điều hòa sinh trưởng, chế phẩm xử lý môi trường có nguồn gốc sinh học;

Lai tạo giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có ứng dụng các kỹ thuật sinh học phân tử để tạo ra các giống cây, con mới có các đặc tính ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng kháng bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu);

Ứng dụng công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào, đột biến phóng xạ đối cây trồng, vật nuôi và công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phôi và cấy chuyển hợp tử, phân biệt giới tính, thụ tinh ống nghiệm sản xuất giống vật nuôi phù hợp điều kiện của tỉnh;

Sản xuất vắc-xin thú y để phòng bệnh cho vật nuôi;

Sản xuất giống cây trồng (sản xuất hạt giống lai hoặc giống cây mô hoặc chiết, ghép, giâm cành nhân nhanh giống) có năng suất, chất lượng cao phù hợp nhu cầu phát triển nông nghiệp địa phương, đạt tiêu chuẩn theo quy định;

Sản xuất heo giống (từ giống ông, bà trở lên) có năng suất, chất lượng cao và bảo đảm cung cấp con giống đạt tiêu chuẩn phục vụ phát triển ngành chăn nuôi của tỉnh;

Ứng dụng công nghệ vi sinh, enzyme và protein ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học dùng trong dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng, vật nuôi;

Công nghệ sinh học (nghiên cứu thiên dịch) trong quản lý và phòng trừ dịch sâu, bệnh hại cây trồng nông lâm nghiệp; sinh học phân tử và miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng, trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với thủy sản.

Quy mô đầu tư dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 5 tỷ đồng/dự án trở lên.

b) Nhóm dự án công nghệ tự động hóa:

Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch các loại rau, quả;

Tự động hóa trong tưới tiêu, kết hợp dinh dưỡng trong canh tác rau quả, hoa, nấm ăn, nấm dược liệu trong nhà kính, nhà màng;

Tự động hóa, bán tự động trong quá trình chăn nuôi quy mô lớn đối với bò thịt, gia cầm (gà thịt lông màu), thâm canh nuôi trồng thủy sản tôm càng xanh, cá

tra, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh (khuyến khích nuôi cá rô, cá lóc, lươn, ếch, baba) đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định; chăn nuôi quy mô công nghiệp thì áp dụng cho tất cả sản phẩm vật nuôi.

Quy mô đầu tư dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 5 tỷ đồng/dự án trở lên.

c) Nhóm dự án kỹ thuật canh tác, nuôi trồng:

Ứng dụng kỹ thuật canh tác (không dùng đất): Thủy canh, khí canh, trồng cây trên giá thể, màng dinh dưỡng; công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động; công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động; thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh thủy sản và xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản;

Nhân giống và sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu trong nhà màng, nhà kính có hệ thống điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng thích hợp;

Sản xuất các loại rau, quả, hoa lan trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính áp dụng công nghệ thủy canh hoặc tưới nước tiết kiệm, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng;

Chăn nuôi bò thịt, gia cầm (gà thịt lông màu); thủy sản nuôi tôm càng xanh, cá tra, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh (khuyến khích nuôi cá rô, cá lóc, lươn, ếch, baba) đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định; chăn nuôi quy mô công nghiệp thì áp dụng cho tất cả sản phẩm vật nuôi.

Quy mô dự án đầu tư:

Lĩnh vực trồng trọt áp dụng theo quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn trở lên hoặc giá trị đầu tư tối thiểu 5 tỷ đồng/dự án trở lên;

Lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản: Dự án chăn nuôi heo giống (ông, bà trở lên) từ 100 con/năm trở lên; dự án chăn nuôi bò thịt 500 con/năm trở lên, gà thịt lông màu 10.000 con/lứa trở lên theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp; dự án nuôi trồng thủy sản diện tích mặt nước từ 05 ha trở lên hoặc giá trị đầu tư tối thiểu 10 tỷ đồng/dự án trở lên.

d) Nhóm dự án lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến:

Đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm khép kín có hệ thống pha lóc, đông lạnh đạt tiêu chuẩn chất lượng HACCP, GMP, SSOP; an toàn thực phẩm;

Sơ chế, bảo quản và chế biến các loại rau, củ, quả; cây ăn quả bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo các quy định hiện hành;

Ứng dụng công nghệ chiếu xạ, công nghệ xử lý hơi nước nóng, công nghệ xử lý nước nóng, công nghệ sấy lạnh, sấy nhanh trong bảo quản nông sản;

Ứng dụng công nghệ mới trong bảo quản và chế biến nông sản: công nghệ bao gói khí quyển kiểm soát; công nghệ bảo quản lạnh nhanh kết hợp với chất hấp thụ etylen để bảo quản rau, hoa, quả tươi.

Quy mô dự án đầu tư: Dự án giết mổ gia súc, gia cầm công suất giết mổ ngày - đêm đạt tối thiểu là 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 con gia súc và 2.000 con gia cầm; hoặc dự án có giá trị đầu tư tối thiểu 5 tỷ đồng/dự án trở lên.

e) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ:

Các nhóm dự án lĩnh vực công nghệ sinh học; công nghệ tự động hóa; kỹ thuật canh tác, nuôi trồng : Mức hỗ trợ lãi vay là 2,5%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Điều 4, thời gian hỗ trợ không quá 3 năm;

Nhóm dự án lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến; giết mổ gia súc, gia cầm: Mức hỗ trợ lãi vay là 3%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Điều 4, thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

3. Các dự án nông nghiệp hữu cơ

a) Nhóm dự án lĩnh vực trồng trọt:

Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao, đạt tiêu chuẩn hữu cơ, sản xuất lúa gạo hàng hóa chất lượng cao; các loại rau quả; cây ăn trái (khuyến khích trồng măng cầu, chuối, xoài, bưởi, dứa (thơm), chanh dây);

Quy mô dự án đầu tư: Dự án nông nghiệp hữu cơ diện tích từ 05 ha trở lên hoặc có giá trị đầu tư 5 tỷ đồng trở lên/dự án.

b) Nhóm dự án lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản:

Khuyến khích phát triển chăn nuôi bò thịt, heo, gia cầm (gà thịt lông màu); thủy sản nuôi tôm càng xanh, cá tra, các loại cá bản địa mà địa phương có thể mạnh (khuyến khích nuôi cá rô, cá lóc, lươn, ếch, baba) đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

Quy mô dự án đầu tư:

Dự án chăn nuôi heo giống (ông, bà trở lên) từ 50 con/năm trở lên; chăn nuôi heo thịt 500 con/năm trở lên; bò thịt 100 con/năm trở lên; gà thịt lông màu 5.000 con/lứa trở lên;

Dự án nuôi trồng thủy sản diện tích mặt nước từ 05 ha trở lên hoặc có giá trị đầu tư 10 tỷ đồng trở lên/dự án.

c) Mức hỗ trợ lãi vay và thời gian hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi vay là 3%/năm trên số vốn vay theo quy định tại Điều 4, thời gian hỗ trợ không quá 5 năm.

Chương III

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC THỰC HIỆN

Điều 6. Thành lập Hội đồng thẩm định

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hỗ trợ lãi vay dự án đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021 (gọi tắt là Hội đồng thẩm định).

2. Thành phần Hội đồng thẩm định tỉnh gồm: Đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ tịch Hội đồng thẩm định), Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh là thành viên.

Trường hợp cần thiết, Hội đồng tư vấn thẩm định mời Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án đầu tư, Ngân hàng thương mại trực tiếp cho vay và các đơn vị có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định.

3. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định các dự án đầu tư (kể cả các dự án đầu tư có thay đổi về quy mô, công nghệ, vốn đầu tư) theo quy định này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 7. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Đơn đăng ký hỗ trợ lãi vay.
2. Hợp đồng hoặc xác nhận giải ngân kinh phí cho vay của ngân hàng thương mại.
3. Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về địa điểm dự án đầu tư.
4. Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện về sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch của địa phương.

Điều 8. Trình tự, thủ tục giải quyết

1. Nhà đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Quy định này tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sau khi nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định dự án và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đồng ý hỗ trợ phải có văn bản trả lời cho nhà đầu tư”.

Chương IV

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 9. Lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ lãi vay

1. Hằng năm, căn cứ vào dự án được UBND tỉnh Quyết định phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp dự toán chung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ lãi vay các dự án thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 10. Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chi trả trực tiếp khoản hỗ trợ lãi vay cho nhà đầu tư vào quý 1 hằng năm.

2. Hồ sơ thanh quyết toán gồm:

- a) Hợp đồng đã ký với ngân hàng thương mại trực tiếp cho vay;
- b) Quyết định hỗ trợ lãi vay của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Chứng từ thu lãi năm trước của ngân hàng thương mại.

Điều 11. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn thực hiện hỗ trợ lãi vay từ nguồn sự nghiệp của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phổ

biển, tuyên truyền nội dung chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2017-2021 cho các tổ chức, cá nhân. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm về tình hình thực hiện Chính sách;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư được tiếp cận chính sách hỗ trợ lãi vay;

c) Phối hợp với các ngân hàng thương mại cho vay kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay, tham mưu xử lý đối với các trường hợp sử dụng vốn vay không đúng mục đích;

d) Xây dựng dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định tình hình UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện hàng năm;

đ) Hằng năm tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ lãi vay của UBND các huyện, thành phố đề nghị Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai kinh phí hỗ trợ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chi trực tiếp cho nhà đầu tư theo quy định;

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở ngành liên quan thẩm định các dự án đầu tư đề nghị hỗ trợ lãi vay;

b) Phối hợp với các Sở ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện quy định tại các huyện, thành phố.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở ngành liên quan thẩm định các dự án đầu tư đề nghị hỗ trợ lãi vay;

b) Cân đối ngân sách hàng năm bố trí đủ kinh phí hỗ trợ lãi vay để thực hiện quy định này; có trách nhiệm về thanh quyết toán;

c) Phối hợp với các sở ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện quy định tại các huyện, thành phố.

4. Sở Khoa học và công nghệ

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định đánh giá công nghệ của dự án đề nghị hỗ trợ theo quy định;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư xây dựng thương hiệu đối với các sản phẩm hàng hóa nông sản của tỉnh nhằm tăng sức cạnh tranh với các sản phẩm nông nghiệp trong nước và khu vực, quốc tế.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố cập nhật tình hình sử dụng đất dự án đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao làm cơ sở thực hiện thủ tục thu hồi, chuyển mục đích, giao đất và cho thuê đất theo quy định; thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư theo Đề án và hướng dẫn, tham mưu thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp.

6. Sở Công Thương

- a) Tổ chức xúc tiến thương mại, phát triển thị trường cho nông sản của tỉnh;
- b) Phối hợp các sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hỗ trợ các nhà đầu tư, tiểu thương tăng cường hợp đồng liên kết nhằm tiêu thụ nông sản của các dự án đầu tư.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Định hướng thông tin tuyên truyền cho các cơ quan, báo chí, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Đài truyền thanh các huyện, thành phố tuyên truyền chủ trương chính sách hỗ trợ lãi vay liên quan đến việc thực hiện các dự án, mô hình phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Tây Ninh

- a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở ngành liên quan thẩm định các dự án đầu tư đề nghị hỗ trợ lãi vay;
- b) Phối hợp triển khai Quy định này đến các ngân hàng thương mại cho vay trên địa bàn tỉnh.

9. Đề Nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

Tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đến các đối tượng biết thực hiện; đồng thời phối hợp với các sở ngành liên quan kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện dự án từ khâu thẩm định cho vay đến khi kết thúc dự án.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan thẩm định các dự án đầu tư đề nghị hỗ trợ lãi vay trên địa bàn.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các phòng, ban phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện dự án hiểu rõ những quy định của chính sách này.

3. Hằng năm xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ lãi vay theo quy định gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai kinh phí hỗ trợ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chi trực tiếp cho nhà đầu tư theo quy định.

4. Xác nhận về sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch của địa phương.

5. Gửi các quyết định phê duyệt các dự án được hỗ trợ lãi vay về bộ phận thường trực (Chi cục Phát triển nông thôn) để theo dõi tổng hợp, báo cáo. Hàng quý, 6 tháng, năm các huyện, thành phố phải tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chính sách này.

6. Theo dõi tình hình sản xuất của các nhà đầu tư đã được phê duyệt dự án; phối hợp với các ngân hàng thương mại cho vay kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của các nhà đầu tư đúng mục đích.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện dự án hiểu rõ những quy định của chính sách này.

2. Xác nhận địa điểm dự án đầu tư trên địa bàn; thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất của các nhà đầu tư đã được phê duyệt dự án và báo cáo tình hình về UBND cấp huyện.

Điều 15. Trách nhiệm của các ngân hàng thương mại cho vay

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan thẩm định các dự án đầu tư đề nghị hỗ trợ lãi vay mà ngân hàng quyết định cho vay.

2. Chịu trách nhiệm về việc xét duyệt, quyết định cho vay và lập thủ tục cho vay trực tiếp đối với các chủ đầu tư vay vốn được hỗ trợ lãi vay theo Quy định này.

3. Thực hiện giải ngân vốn vay cho các chủ đầu tư vay vốn theo tiến độ thực hiện của dự án được duyệt hỗ trợ lãi vay.

4. Trên cơ sở các quy định có liên quan, thực hiện việc tính và thu lãi đúng, đầy đủ và chính xác số tiền lãi người vay phải trả trong kỳ; lập chứng từ thu lãi rõ ràng, chính xác, đầy đủ chữ ký theo quy định để làm cơ sở hỗ trợ lãi vay và gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp chi hỗ trợ lãi vay cho nhà đầu tư.

Điều 16. Trách nhiệm của các nhà đầu tư

1. Hoàn trả vốn gốc và lãi vay theo đúng phân kỳ đã quy định của hợp đồng cho vay.

2. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi vay và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

3. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng địa điểm thuộc đối tượng hỗ trợ lãi vay đã ghi trong hợp đồng cho vay và dự án do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi vay theo quy định tại Điều 10 của quy định này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. **CHỦ TỊCH**

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

PHỤ LỤC

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ LÃI VAY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 445/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 201...

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ LÃI VAY

(Đầu tư nuôi/trồng.....)

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:.....

- Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn:.....

Họ tên (cá nhân hoặc đại diện tổ chức):.....sinh năm.....

Tên tổ chức:.....

Nghề nghiệp /Chức vụ:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Địa điểm đầu tư:.....

Số CMND (căn cước công dân) số:.....do: CA.....cấp

Đối tượng: ☐ Hộ nghèo ☐ Tổ hợp tác ☐ Hợp tác xã

☐ Doanh nghiệp ☐ Khác (ghi rõ):.....
(công ty) (rõ):.....

Sau khi nghiên cứu Quyết định số/2017/QĐ-UBND ngàytháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung và mức hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2017-2021.

Nay tôi làm đơn này (kèm dự án sản xuất đã được tổ chức cho vay đồng ý cho vay vốn) kính trình Ủy ban nhân dân các cấp xem xét giải quyết cho tôi được hỗ trợ lãi vay khi vay vốn để đầu tư phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2017-2021.

Tôi cam kết sử dụng số tiền vay đúng mục đích, hoàn trả vốn và lãi vay đúng thời hạn quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai quy định.

Xác nhận địa điểm đầu tư
trên địa bàn xã, phường, thị trấn

Người vay vốn
(Ký tên, ghi rõ họ tên)